

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC  
NGÀNH ĐÀO TẠO : HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI KHUYẾT TẬT  
MÃ NGÀNH : 7760103  
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO : CHÍNH QUY



## MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	3
1.1. Mục tiêu chung.....	3
1.2. Mục tiêu cụ thể.....	4
2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	5
2.1. Chuẩn đầu ra.....	5
2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp.....	6
2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.....	7
3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo.....	8
4. Khối lượng học tập.....	8
5. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo.....	8
5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo.....	8
5.2. Nội dung Chương trình đào tạo.....	9
6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO.....	34
6.1. Phương pháp giảng dạy.....	34
6.2. Đánh giá kết quả đào tạo.....	36
7. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ.....	37
8. Cơ sở vật chất và công nghệ.....	37
PHỤ LỤC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	



### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 292 /QĐ-ĐHHD ngày 19 /4/2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

#### THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Support education for people with disabilities
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7760103
Khoa quản lý chương trình:	Chính trị-Tâm lý-Giáo dục học
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo:	3,5 - 4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	127
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 127 tín chỉ;</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;</li><li>- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất.</li></ul>
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân chuyên ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên hỗ trợ trong các trường mầm non, trường phổ thông hoà nhập và các trường/trung tâm chuyên biệt cho người khuyết tật.</li><li>- Cán bộ hỗ trợ tại các Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.</li><li>- Cán bộ tại các cơ sở chăm sóc, bảo trợ xã hội có người khuyết tật, tại các tổ chức văn hóa, chính trị - xã hội, đoàn thể và tại các hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế.</li><li>- Nghiên cứu viên tại viện, trung tâm nghiên</li></ul>

	<p>cứ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.</p> <p>Vị trí việc làm, chế độ cho người được đào tạo về Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được quy định theo Khoản 2, Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12, Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/8/2016, Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017.</p>
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục học sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) các chuyên ngành trong lĩnh vực Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.</li> <li>- Trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng được đào tạo và ngoại ngữ, sinh viên có khả năng tự nghiên cứu và tiếp cận nguồn tri thức liên quan đến chuyên ngành trong và ngoài nước để cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và khả năng, năng lực nghiên cứu</li> <li>- Sinh viên có thể đăng ký học song ngành để có cơ hội nhận cùng lúc 2 bằng đại học của trường đào tạo.</li> </ul>
Chương trình đào tạo tham khảo:	<p>Tham khảo chương trình đào tạo ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung chương trình đào tạo đại học ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật của trường Đại học Sư phạm Hà Nội;</li> <li>- Khung chương trình đào tạo đại học ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật của Anh;</li> <li>- Khung chương trình đào tạo đại học ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật của Pháp;</li> <li>- Khung chương trình đào tạo đại học ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật của Úc;</li> <li>- Khung chương trình đào tạo đại học ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật của Mỹ.</li> </ul>

## **CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 06 năm 2019;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12;
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT quy định về Giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật;
- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào trường Đại học Hải Dương;
- Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành quy chế về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương.

### **1. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật có kiến thức cơ bản về: Đặc điểm phát triển tâm sinh lí người khuyết tật; nắm vững mục tiêu, nguyên tắc,

phương pháp, hình thức trong hỗ trợ chăm sóc, can thiệp và giáo dục người khuyết tật; có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng để hỗ trợ các hoạt động chăm sóc, can thiệp và giáo dục người khuyết tật trong môi trường giáo dục chuyên biệt, bán hoà nhập và hoà nhập; có khả năng phát hiện, phối hợp với các lực lượng khác trong nghiên cứu giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại trường học, gia đình và cộng đồng. Bên cạnh đó, cử nhân ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được đào tạo có phẩm chất và đạo đức tốt, có các năng lực cần thiết để đáp ứng chuẩn nghề nghiệp hỗ trợ cho người khuyết tật ở các bậc học mầm non, tiểu học, THCS, THPT hoặc phát triển nghề nghiệp; có năng lực nghề nghiệp vững vàng như: năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật; năng lực tư vấn phụ huynh; có năng lực tự học, năng lực tham gia nghiên cứu khoa học giáo dục người khuyết tật tại các cơ sở nghiên cứu; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có năng lực tự giải quyết tốt các vấn đề để phát triển bản thân và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ học tập tại trường Đại học Hải Dương cũng như những yêu cầu trong quá trình công tác sau khi tốt nghiệp ra trường.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật:

PO1: Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách pháp luật của Nhà nước, cách thức quản lý của Nhà nước đối với Ngành Giáo dục Đào tạo.

PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý, khoa học ngôn ngữ, khoa học giáo dục và khoa học Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật để giải quyết các vấn đề liên quan đến chăm sóc, giáo dục, tư vấn cho gia đình về kiến thức, kỹ năng hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung tại các môi trường giáo dục khác nhau.

PO3: Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp ở những mức độ đơn giản, trong những tình huống giao tiếp thông thường.

PO4: Ứng dụng được công nghệ thông tin để thiết kế và hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

PO5: Có kỹ năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp về Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật để thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, đánh giá, tư vấn, thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục, can thiệp người khuyết tật; có kỹ năng xây dựng và phát triển chương trình giáo dục tại các cơ sở Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật và các trường hòa nhập, bán hòa nhập từ các cấp mầm non đến trung học cơ sở, đáp ứng vị trí việc làm cụ thể.

PO6: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm và khả năng thích ứng với sự thay đổi của xã hội.



PO7: Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lý thời gian và năng lực tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực hợp tác, chia sẻ.

PO8: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong thực hiện công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; có tác phong mẫu mực của nhà giáo, có tư tưởng vững vàng trong nghề nghiệp, có sự kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ, bao dung, đồng cảm, tôn trọng, yêu thương đối với trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung.

PO9: Có tính sáng tạo, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tác phong đúng mực phù hợp với môi trường công việc; có thái độ tích cực hướng dẫn mọi người thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung; có năng lực tự chịu trách nhiệm trong các hoạt động nhóm chuyên gia.

PO10: Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có lợi ích cho cộng đồng.

PO11: Có những phẩm chất đạo đức tốt của người công dân theo tiêu chuẩn đạo đức xã hội, đồng thời có phẩm chất đạo đức của nhà giáo nói chung và phẩm chất đạo đức của người giáo viên đảm nhận trọng trách hỗ trợ trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung; ngoài ra, người học có được những phẩm chất cần thiết để trở thành công dân toàn cầu.

## **2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

### **2.1. Chuẩn đầu ra**

#### *2.1.1. Về kiến thức*

PLO1: Giải thích được hệ thống lí luận của chủ nghĩa Mác Lê -nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

PLO2: Phân tích được đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng an ninh, chính trị, kinh tế và xã hội.

PLO3: Hiểu được những kiến thức về chủ nghĩa Mác – Lênin để vận dụng vào cuộc sống và thực tiễn nghề nghiệp.

PLO4: Phân tích được đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, các giai đoạn phát triển của trẻ em. Phân tích khả năng nhu cầu, đặc điểm tâm lý của trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung để lập kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung.

#### *2.1.2. Về kĩ năng*

PLO5: Phân tích được quy trình tổ chức các hoạt động Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại các môi trường giáo dục khác nhau.

PLO6: Phân tích được quy trình tổ chức các hoạt động đánh giá giáo dục, tham vấn gia đình về trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung.

PLO7: Phân tích được ưu, nhược điểm của các phương pháp khoa học trong can thiệp, hỗ trợ, giáo dục hướng nghiệp trẻ trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung.

PLO8: Xây dựng và phát triển được chương trình giáo dục trẻ khuyết tật theo tiếp cận năng lực cá nhân đáp ứng chương trình đổi mới giáo dục.

PLO9: Sử dụng được các kĩ thuật cơ bản trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp đơn giản trong công việc. Thích ứng với sự thay đổi của môi trường sống và môi trường làm việc, hòa nhập được với môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa khác nhau.

PLO10: Giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, ra quyết định, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.

PLO11: Thiết kế được các hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng và nhu cầu trẻ khuyết tật trong các môi trường giáo dục từ mầm non đến THCS, THPT, thiết kế kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với đặc điểm, khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung.

PLO12: Vận dụng các thang đo, thang đánh giá nhằm phát hiện sớm, đánh giá giáo dục trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung.

PLO13: Xây dựng báo cáo về đặc điểm tâm lý trẻ khuyết tật theo độ tuổi. Lập kế hoạch và sử dụng các phương pháp đặc thù hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung.

### 2.1.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Tự hào và tự tôn dân tộc, trung thực, nhân ái, có trách nhiệm và hành động vì sự phát triển của cộng đồng và bản thân.

PLO15: Tự học, tự tích lũy kiến thức, lập kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ trong các môi trường giáo dục.

PLO16: Thể hiện ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và sáng tạo trong thực tiễn giáo dục và đạo đức nghề nghiệp; thể hiện phong cách ứng xử văn minh, lịch sự với đồng nghiệp, cấp trên, người học và các lực lượng giáo dục khác; tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.

### 2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

<b>Chức danh nghề nghiệp</b>	<b>Nhân viên hỗ trợ tại các trường mầm non, tiểu học hòa nhập</b>	<b>Nhân viên nguồn tại Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập</b>	<b>Nhân viên can thiệp tại các cơ sở giáo dục trẻ khuyết tật chuyên</b>	<b>Nhân viên tư vấn về trẻ khuyết tật tại các cơ quan tổ chức nhà nước</b>	<b>Cơ quan, tổ chức phi chính phủ</b>
<b>Môi trường làm việc</b>					
Trường MN, TH,	2	2	2	1	1

THCS, THPT					
Sở, Phòng giáo dục	1	1	1	2	1
Cơ quan hành chính, sự nghiệp	1	1	1	2	1
Tổ chức phi chính phủ	1	1	1	1	1
Trung tâm, cơ sở giáo dục, dạy nghề cho trẻ có nhu cầu đặc biệt	2	2	2	1	2

Chú giải:

0	Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng
1	Người học có thể làm được; người học sẽ làm được tốt hơn nếu tích lũy kinh nghiệm và học thêm (học bổ sung, học nâng cao trình độ)
2	Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp

### 2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Tiếp tục học sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) các chuyên ngành trong lĩnh vực Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật;

- Trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng được đào tạo và ngoại ngữ, học viên có khả năng tự nghiên cứu và tiếp cận nguồn tri thức liên quan đến chuyên ngành trong và ngoài nước để cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và khả năng, năng lực nghiên cứu;

- Sinh viên có thể đăng ký học song ngành để có cơ hội nhận cùng lúc 2 bằng đại học của trường đào tạo.

### \* MA TRẬN TÍCH HỢP MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Tích “x” vào các ô tương thích)

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo										
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
PLO1 (KT)	x										
PLO2 (KT)				x							
PLO3 (KT)		x									
PLO4 (KT)				x							
PLO5 (KN)					x						
PLO6 (KN)					x						
PLO7 (KN)					x						
PLO8 (KN)					x						

<b>PLO9 (KN)</b>			x	x							
<b>PLO10 (KN)</b>						x	x				
<b>PLO11 (KN)</b>					x						
<b>PLO12 (KN)</b>					x						
<b>PLO13 (KN)</b>					x						
<b>PLO14 (MĐTC&amp;TN)</b>								x			
<b>PL015 (MĐTC&amp;TN)</b>						x					
<b>PL016 (MĐTC&amp;TN)</b>									x	x	x
<b>Tổng</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>7</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>

### 3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

### 4. Khối lượng học tập

Chương trình đào tạo ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trình độ đại học có khối lượng học tập là 127 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

### 5. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

#### 5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trình độ Đại học gồm 127 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 24 tín chỉ, có tỉ lệ 19%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 103 tín chỉ, có tỉ lệ 81%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (30 tín chỉ: 28 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 24% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (48 tín chỉ: 42 tín chỉ bắt buộc, 06 tín chỉ tự chọn; chiếm 38% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm (12 tín chỉ; chiếm 9,4% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 5,5% toàn khối).

Cụ thể như sau:

<b>Khối kiến thức</b>	<b>Loại học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b> <i>(Không tính các học phần GDTC và GDQP - AN)</i>		<b>24 tín chỉ</b>
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>103 tín chỉ</b>
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>30 tín chỉ</b>
	+ Bắt buộc	28 tín chỉ
	+ Tự chọn	2 tín chỉ

<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>48 tín chỉ</b>
	+ Bắt buộc	42 tín chỉ
	+ Tự chọn	6 tín chỉ
<b>2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm</b>		<b>12 tín chỉ</b>
<b>2.4. Khoá luận tốt nghiệp/ học phần thay thế</b>		<b>7 tín chỉ</b>
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>127 tín chỉ</b>

## 5.2. Nội dung Chương trình đào tạo

### 5.2.1. Khung Chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				LT	BT, TL, TH	Tự học	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b> (Không tính các môn GDTC và GDQP và AN)			<b>24</b>				
<b>Lí luận chính trị</b>			<b>11</b>				
1	PLO001	Triết học Mác-Lênin	3	30	15	105	
2	PLO002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	9	70	
3	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	9	70	
4	PLO004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	70	
5	PLO005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9	70	
Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh							
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	2	6	24	70	
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	24	70	
8	ME008- ME011	Giáo dục quốc phòng và An ninh	165t	77	88		
8.1	ME008	GDQP-AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		37	8		
8.2	ME009	GDQP-AN2: Công tác quốc phòng và an ninh		22	8		
8.3	ME010	GDQP-AN 3: Quân sự		14	16		

		chung					
8.4	ME011	GDQP-AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	56		
<b>Ngoại ngữ</b>			<b>7</b>				
9	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	
10	EN013	Tiếng Anh 2	4	40	20	140	
<b>Khoa học Tự nhiên</b>			<b>2</b>				
11	IT014	Tin học đại cương	2	15	15	70	
<b>Khoa học Xã hội - Nhân văn</b>			<b>4</b>				
12	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	
13	PLO016	Xã hội học đại cương	2	21	9	70	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>103</b>				
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>30</b>				
<i>Các học phần bắt buộc</i>			28				
14	PSE017	Giáo dục học đại cương	2	15	15	70	
15	PSE018	Tâm lý học đại cương	2	15	15	70	
16	MAN019	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	70	
17	ENV020	Giáo dục môi trường	2	24	6	70	
18	SEPD021	Giáo dục học mầm non	2	15	15	70	
19	SEPD122	Giáo dục học tiểu học	2	15	15	70	
20	SEPD123	Hỗ trợ phát triển giác quan và thể chất cho người khuyết tật	2	10	20	70	
21	SEPD124	Phát triển cộng đồng trong hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	3	20	25	105	
22	SEPD25	Lập kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	4	30	30	140	
23	SEPD126	Kỹ năng hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	3	20	25	105	
24	SEPD127	Thực hành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại cơ sở giáo dục	4	15	45	140	
<i>Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)</i>			2				

25.1	IT328.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học người khuyết tật	2	15	15	70	
25.2	PLO328.2	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	21	9	70	
<b>2.2. Kiến thức chung của chuyên ngành</b>			<b>48</b>				
<i>Các học phần bắt buộc</i>			42				
26	ENV229	Sinh lý học trẻ em	2	15	15	70	
27	SEPD230	Tâm bệnh học trẻ em	2	20	10	70	
28	SEPD231	Tâm lý học phát triển và ứng dụng trong giáo dục đặc biệt	2	20	10	70	
29	SEPD232	Đại cương giáo dục đặc biệt	3	30	15	105	
30	SEPD233	Đánh giá trẻ khuyết tật	3	20	25	105	
31	SEPD234	Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	3	20	25	105	
32	SEPD235	Hỗ trợ dạy học người khuyết tật trí tuệ	3	20	25	105	
33	SEPD236	Hỗ trợ dạy học người người rối loạn phổ tự kỷ	3	20	25	105	
34	SEPD237	Hỗ trợ dạy học người người khiếm thị	4	20	40	140	
35	SEPD238	Hỗ trợ dạy học người người khiếm thính	4	20	40	140	
36	SEPD239	Hỗ trợ dạy học người khuyết tật học tập	3	15	30	105	
37	SEPD240	Hỗ trợ dạy học người khuyết tật ngôn ngữ	3	15	30	105	
38	SEPD241	Chính sách đối với người khuyết tật	2	15	15	70	
39	SEPD242	Đạo đức nghề nghiệp trong hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	3	25	20	105	
40	SEPD243	Rèn luyện nghiệp vụ hỗ trợ giáo dục người khuyết	2	5	25	70	

		tật thường xuyên					
41	SEPD244	Thực tế chuyên ngành	2	5	25	70	
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>6</b>				
<b>Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 2 học phần)</b>			<b>2</b>				
42.1	SEPD345.1	Quản lý hành vi trẻ khuyết tật	2	15	15	70	
42.2	SEPD345.2	Hỗ trợ hoạt động chơi cho người khuyết tật	2	10	20	70	
<b>Tự chọn 2 (Chọn 1 trong các học phần)</b>			<b>2</b>				
43.1	SEPD346.1	Hỗ trợ giáo dục người tăng động giảm chú ý	2	10	20	70	
43.2	SEPD346.2	Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và an toàn người khuyết tật	2	15	15	70	
<b>Tự chọn 3 (Chọn 1 trong các học phần)</b>			<b>2</b>				
44.1	SEPD347.1	Hỗ trợ giáo dục giới tính cho người khuyết tật	2	15	15	70	
44.2	SEPD347.2	Hỗ trợ giáo dục hướng nghiệp cho trẻ khuyết tật	2	15	15	70	
<b>2.3. Nghiệp vụ nghề, thực tập nghề</b>			<b>12</b>				
45	TMT248	Hướng dẫn nghiệp vụ nghề 1	2	15	30	55	
46	TMT249	Hướng dẫn nghiệp vụ nghề 2	2	15	30	55	
47	TMT250	Thực tập hỗ trợ giáo dục 1	2		120		
48	TMT251	Thực tập hỗ trợ giáo dục 2	6		360		
<b>2.4. Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>							
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>7</b>				
49A		Khóa luận tốt nghiệp	7				
<b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>7</b>				
49 B.1	SEPD452B.1	Tổ chức trường lớp trong giáo dục đặc biệt	2	10	20	70	
49	SEPD452B.2	Phát triển chương trình hỗ	3	15	30	105	



B.2		trợ giáo dục người khuyết tật					
49 B.3	SEPD452B.3	Tham vấn phụ huynh và phối hợp đa ngành trong giáo dục trẻ khuyết tật	2	10	20	70	

**5.2.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo**

Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức				Kĩ năng									Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16
Triết học Mác -Lênin	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0	0
Kinh tế chính trị Mác -Lênin	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục thể chất 1	3	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục thể chất 2	3	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 1	1	1	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	1	0
Tiếng Anh 2	1	1	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	1	0
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	3	0	0
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Xã hội học đại cương	0	1	3	0	0	0	2	1	0	1	0	0	0	1	1	1
Giáo dục đại cương	0	3	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0	3	0	0
Tâm lý học đại cương	0	3	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0	2	1	0
Tiếng Việt thực hành	2	2	2	3	3	3	3	3	1	1	1	1	1	1	0	0

Giáo dục môi trường	2	1	3	3	1	1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Giáo dục học mầm non	0	3	2	0	0	0	0	0	2	0	3	2	0	0	1	0
Giáo dục học tiểu học	0	0	2	1	0	0	2	3	0	0	2	0	1	1	1	0
Hỗ trợ phát triển giác quan và thể chất cho người khuyết tật	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	1	1	1	0	1	2
Phát triển cộng đồng trong hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	3	1	3	0	3	2	1	0	0	0	0	0	1	0	1
Lập kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	3	1	3	0	3	2	1	0	0	0	0	0	1	0	1
Kỹ năng hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	3	1	3	0	3	2	1	0	0	0	0	0	1	0	1
Thực hành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại cơ sở giáo dục	0	2	1	2	0	3	2	1	0	0	0	0	0	1	0	1
Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học người khuyết tật	3	0	0	1	3	0	3	0	2	2	0	0	1	1	1	0
Công tác xã hội với người khuyết tật	0	3	1	2	0	2	3	3	0	0	0	0	0	0	0	1
Sinh lý học trẻ em	0	3	1	2	0	2	3	3	0	0	0	0	0	0	0	1
Tâm bệnh học trẻ em	0	2	1	2	0	2	3	2	0	0	0	0	0	0	0	1
Tâm lý học phát triển và ứng dụng trong giáo dục đặc biệt	0	3	1	2	0	2	3	3	0	0	0	0	0	0	0	1
Đại cương giáo dục đặc biệt	0	2	1	3	0	3	2	1	0	0	0	0	0	1	0	1
Đánh giá trẻ khuyết tật	0	1	1	3	1	2	1	0	0	0	1	2	2	1	1	1
Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	0	0	1	2	0	3	0	0	0	0	3	1	0	1	1	1
Hỗ trợ dạy học người khuyết tật trí tuệ	0	2	1	3	0	3	1	1	0	0	2	0	1	2	1	1
Hỗ trợ dạy học người người rối	0	0	0	3	1	1	1	0	1	0	1	1	0	1	1	1

loạn phổ tự kỹ																
Hỗ trợ dạy học người người khiếm thị	0	0	0	3	1	1	0	2	1	0	1	0	1	1	1	1
Hỗ trợ dạy học người khiếm thính	0	0	0	3	1	1	1	1	1	1	2	2	0	1	1	1
Hỗ trợ dạy học người khuyết tật học tập	0	0	0	3	1	1	1	2	0	0	1	0	0	0	1	2
Hỗ trợ dạy học người khuyết tật ngôn ngữ	0	0	1	3	0	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0
Chính sách đối với người khuyết tật	0	1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Đạo đức nghề nghiệp giáo dục trẻ đặc biệt	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Rèn luyện nghề vụ hỗ trợ giáo dục người khuyết tật thường xuyên	0	0	1	0	0	0	0	0	1	2	1	0	0	1	1	1
Thực tế chuyên ngành	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Quản lý hành vi trẻ khuyết tật	0	3	1	2	0	2	3	3	0	0	0	0	0	0	0	1
Hỗ trợ hoạt động chơi cho người khuyết tật	0	3	1	2	0	2	3	3	0	0	0	0	0	0	0	1
Hỗ trợ giáo dục người tăng động giảm chú ý	0	3	1	2	0	2	3	3	0	0	0	0	0	0	0	1
Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và an toàn người khuyết tật	0	3	1	2	0	2	3	3	0	0	0	0	0	0	0	1
Hỗ trợ giáo dục giới tính cho người khuyết tật	0	3	1	2	0	2	3	3	0	0	0	0	0	0	0	1
Hỗ trợ giáo dục hướng nghề cho trẻ khuyết tật	0	3	1	2	0	2	3	3	0	0	0	0	0	0	0	1
Hướng dẫn nghề vụ nghề 1	0	1	1	1	1	0	0	0	1	0	0	1	0	1	1	0
Hướng dẫn nghề vụ nghề 2	0	0	1	2	2	0	1	0	1	0	1	0	0	1	1	0
Thực tập hỗ	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	1	0	1	1	1	2

trợ giáo dục 1																
Thực tập hỗ trợ giáo dục 2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	1	0	1	1	1	2
Khóa luận TN	3	2	2	2	2	0	2	0	0	2	0	0	0	2	2	2
Tổ chức trường lớp trong giáo dục đặc biệt	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	1	3
Phát triển chương trình hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	1	3
Tham vấn phụ huynh và phối hợp đa ngành trong giáo dục trẻ khuyết tật	0	0	0	1	0	2	0	0	0	2	0	0	2	0	1	2

*Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao.*

*(Các học phần trong chương trình đều tham gia đóng góp vào bảng ma trận CDR)*

### 5.2.3. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 14 tín chỉ, học kì 2 là 16 tín chỉ, học kì 3 với 15 tín chỉ, học kì 4 là 17 tín chỉ, học kì 5 với 17 tín chỉ, học kì 6 là 18 tín chỉ, học kì 7 với 17 tín chỉ, học kì 8 là 13 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Kì I</b>			<b>14</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>14</b>	
1	PLO001	Triết học Mác-Lênin	3	
2	PE006	Giáo dục thể chất 1	2	
3	EN012	Tiếng Anh 1	3	
4	IT014	Tin học đại cương	2	
5	PSY015	Pháp luật đại cương	2	
6	PLO016	Xã hội học đại cương	2	
<b>Kì II</b>			<b>16</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>14</b>	
1	PLO002	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	
2	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	
3	EN013	Tiếng Anh 2	4	

4	PSE017	Giáo dục học đại cương	2	
5	PSE018	Tâm lý học đại cương	2	
6	MAN019	Tiếng Việt thực hành	2	
<b>Tự chọn</b>			<b>2</b>	
7.1	IT328.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học người khuyết tật	2	
7.2	PLO328.2	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	
<b>Kì III</b>			<b>15</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>15</b>	
1	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	ENV020	Giáo dục môi trường	2	
3	SEPD021	Giáo dục học mầm non	2	
4	SEPD122	Giáo dục học tiểu học	2	
5	SEPD123	Hỗ trợ phát triển giác quan và thể chất cho người khuyết tật	2	
6	SEPD124	Phát triển cộng đồng trong hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	3	
7	TMT248	Hướng dẫn nghiệp vụ nghề 1	2	
<b>Kì IV</b>			<b>17</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>17</b>	
1	PLO004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
2	SEPD25	Lập kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	4	
3	SEPD126	Kỹ năng hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	3	
4	SEPD127	Thực hành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại cơ sở giáo dục	4	
5	TMT249	Hướng dẫn nghiệp vụ nghề 2	2	
6	ENV229	Sinh lý học trẻ em	2	
<b>Kì V</b>			<b>17</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>15</b>	
1	PLO005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	SEPD230	Tâm bệnh học trẻ em	2	

3	SEPD231	Tâm lý học phát triển và ứng dụng trong giáo dục đặc biệt	2	
4	SEPD232	Đại cương giáo dục đặc biệt	3	
5	SEPD233	Đánh giá trẻ khuyết tật	3	
6	SEPD24	Can thiệp sớm trẻ khuyết tật	3	
<b>Tự chọn 1</b>			<b>2</b>	
6.1	SEPD345.1	Quản lý hành vi trẻ khuyết tật	2	
6.2	SEPD345.2	Hỗ trợ hoạt động chơi cho người khuyết tật	2	
<b>Kì VI</b>			<b>18</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>16</b>	
1	SEPD235	Hỗ trợ dạy học người khuyết tật trí tuệ	3	
2	SEPD236	Hỗ trợ dạy học người người rối loạn phổ tự kỷ	3	
3	SEPD237	Hỗ trợ dạy học người khiếm thị	4	
4	SEPD238	Hỗ trợ dạy học người khiếm thính	4	
5	TMT250	Thực tập hỗ trợ giáo dục 1	2	
<b>Tự chọn 2</b>			<b>2</b>	
7.1	SEPD346.1	Hỗ trợ giáo dục người tăng động giảm chú ý	2	
7.2	SEPD346.2	Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và an toàn người khuyết tật	2	
<b>Kì VII</b>			<b>17</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>15</b>	
1	SEPD230	Hỗ trợ dạy học người khuyết tật học tập	3	
2	SEPD240	Hỗ trợ dạy học người khuyết tật ngôn ngữ	3	
3	SEPD241	Chính sách đối với người khuyết tật	2	
4	SEPD242	Đạo đức nghề nghiệp trong hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	3	
5	SEPD243	Rèn luyện nghiệp vụ hỗ trợ	2	

		giáo dục người khuyết tật thường xuyên		
6	SEPD244	Thực tế chuyên ngành	2	
<b>Tự chọn 3</b>			<b>2</b>	
8.1	SEPD347.1	Hỗ trợ giáo dục giới tính cho người khuyết tật	2	
8.2	SEPD347.2	Hỗ trợ giáo dục hướng nghiệp cho trẻ khuyết tật	2	
<b>Kì VIII</b>			<b>13</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>13</b>	
1	TMT251	Thực tập hỗ trợ giáo dục 2	6	
2.1		Khóa luận tốt nghiệp	7	
2.2		Thay thế khóa luận tốt nghiệp	7	
2.2.1	SEPD452B.1	Tổ chức trường lớp trong giáo dục đặc biệt	2	
2.2.2	SEPD452B.2	Phát triển chương trình hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	3	
2.2.3	SEPD452B.3	Tham vấn phụ huynh và phối hợp đa ngành trong giáo dục trẻ khuyết tật	2	

#### 5.2.4. Mô tả học phần

##### **1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN (3 tín chỉ)**

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

##### **2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (2 tín chỉ)**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị

thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

### **3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)**

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### **4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2 tín chỉ)**

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm



của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

## **6. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (2 tín chỉ)**

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lí thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.

## **7. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (2 tín chỉ)**

*(Tự chọn 01 trong 07 học phần: Đá cầu, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Võ thuật Vovinam, Aerobic, Cầu lông)*

### **Đá cầu**

Học phần Đá cầu cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Đá cầu. Đây là kiến thức nền tảng để giúp sinh viên tiếp thu các học phần giáp ranh và chuyên ngành thể dục thể thao; có sân chơi hoạt động đầy ý nghĩa, tạo sự kết tinh thần tập thể cao; có lối sống lành mạnh rời xa các tệ nạn xã hội.

### **Bóng chuyền**

Học phần Bóng chuyền trang bị kiến thức về kĩ thuật, chiến thuật, kĩ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

### **Bóng đá**

Học phần Bóng đá cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn Bóng đá, những nguyên lí thực hiện kĩ thuật, luật Bóng đá. Học phần cũng trang bị các kĩ thuật động tác cơ bản, tổ chức hướng dẫn luyện tập môn Bóng đá.

### **Bóng rổ**

Bóng rổ là môn thể thao tự chọn trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất không chuyên có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng rổ và kĩ thuật cơ bản về di chuyển,

chuyên và bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ và hai bước lên rổ, một số điều luật phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng rổ.

#### Võ thuật Vovinam

Võ thuật Vovinam là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm của môn võ Vovinam; trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu thực hành môn Võ thuật Vovinam. Ngoài ra còn có thể lấy học phần làm các bài tập bổ trợ cho các môn thể thao khác.

#### Aerobic

Học phần Aerobic là học phần tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Nội dung học phần bao gồm: lý thuyết Aerobic, kỹ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể; rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các học phần khác.

#### Cầu lông

Cầu lông là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, giảng dạy các kỹ thuật, chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông. Ngoài ra, học phần còn thông qua quá trình tập luyện để rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính tự giác tích cực; phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp động tác, tăng cường sức khỏe, tính linh hoạt bổ trợ cho công việc học tập và giúp sinh viên có thể tự tin tham gia các hoạt động khi nhà trường tổ chức giải thi đấu môn Cầu lông cho sinh viên.

### **8.1. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1 (45 tiết)**

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

### **8.2. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2 (30 tiết)**

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt

Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

### **8.3. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3 (30 tiết)**

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lý các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

### **8.4. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 4 (60 tiết)**

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

## **9. TIẾNG ANH 1 (3 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

## **10. TIẾNG ANH 2 (4 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ

năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

### **11. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)**

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

### **12. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)**

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham nhũng.

### **13. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)**

Học phần nằm trong khối kiến thức của nhóm ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học. Trong đó trang bị cho các em những lý luận cơ bản của các nhà xã hội học, hiểu và vận dụng được các kỹ thuật trong điều tra xã hội học, từ đó vận dụng nghiên cứu một số chuyên ngành hẹp của xã hội học. Thông qua học phần, hình thành thế giới quan duy vật khi nghiên cứu xã hội, nhận biết được các quan điểm sai trái khi nghiên cứu xã hội. Học phần có quan hệ chặt chẽ với những học phần chuyên ngành sau: Lịch sử triết học phương tây hiện đại, Phương pháp nghiên cứu khoa học trong chương trình.

### **14. GIÁO DỤC HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách con người; mục đích, nhiệm vụ giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân. Trên cơ sở những kiến thức khái quát về giáo dục học, sinh viên có khả năng học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, giải quyết các nhiệm vụ trong hoạt động sư phạm. Từ đó góp phần hình thành

phẩm chất yêu trẻ, yêu nghề, thế giới quan khoa học...năng lực sư phạm như: tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

### **15. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)**

Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Học phần tâm lý học đại cương làm nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu các học phần cơ sở ngành khác có liên quan.

### **16. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiếng Việt (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản), những nguyên tắc sử dụng tiếng Việt, rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong khi nói và viết (kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng viết đoạn văn, kỹ năng viết câu trong văn bản, kỹ năng dùng từ, kỹ năng sử dụng chữ viết...).

### **17. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG (2 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về môi trường, giáo dục môi trường, trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên thái độ, hành vi tích cực đối với các hoạt động giáo dục môi trường nhằm nâng cao việc bảo vệ môi trường trong chương trình môn giáo dục công dân ở trường trung học. Đồng thời môn học cung cấp cho người học kiến thức, giải pháp ngăn ngừa và giải quyết một cách khoa học các vấn đề môi trường nảy sinh trong thực tiễn.

### **18. GIÁO DỤC HỌC MẦM NON (2 tín chỉ)**

Học phần Giáo dục học mầm non được thực hiện trong 02 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học mầm non, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non, lịch sử phát triển ngành học mầm non, quan điểm về giáo dục mầm non, mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp giáo dục trẻ mầm non; các nhiệm vụ giáo dục trẻ ở trường mầm non; tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non. Thông qua học phần, người học có khả năng tổ chức các hoạt động hỗ trợ trẻ khuyết tật khi tham gia học giáo dục mầm non hòa nhập.

### **19. GIÁO DỤC HỌC TIỂU HỌC (2 tín chỉ)**

Học phần Giáo dục học Tiểu học được thực hiện trong 2 tín chỉ. Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học; các khái niệm của giáo dục học; vai trò của các

yếu tố trong sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; người giáo viên tiểu học ; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học như : Quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học và phương pháp, phương tiện dạy học ở tiểu học, các hình thức tổ chức dạy học ....., và Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung giáo dục và phương pháp, phương tiện giáo dục ở tiểu học, các hình thức tổ chức giáo dục ... Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ vận dụng với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường tiểu học, giải thích được một số vấn đề về quan điểm đường lối chủ chương phát triển giáo dục đào tạo của Đảng, nhà nước ta hiện nay. Bồi dưỡng kỹ năng giải quyết các vấn đề trong hoạt động dạy học và giáo dục ở trường Tiểu học.

## **20. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁC QUAN VÀ THỂ CHẤT CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần Tham vấn phụ huynh và phối hợp đa ngành trong giáo dục trẻ khuyết tật được thực hiện trong 02 tín chỉ (lý thuyết = 10 tiết; thực hành = 20 tiết). Học phần cung cấp cho người học các nội dung: Những vấn đề chung về tham vấn cha mẹ trẻ khuyết tật; các kỹ năng trong tham vấn phụ huynh trẻ khuyết tật và quy trình tư vấn phụ huynh trẻ khuyết tật; quy trình tham vấn phụ huynh trẻ khuyết tật bao gồm chuẩn bị kế hoạch tư vấn, thu thập xử lý thông tin và viết báo cáo, làm việc với cha mẹ về bản đánh giá, giám sát và đánh giá kết quả tư vấn; các lực lượng tham gia giáo dục trẻ rối loạn phát triển; ý nghĩa và quy trình phối hợp đa ngành các lực lượng trong giáo dục trẻ rối loạn phát triển.

## **21. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TRONG HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI KHUYẾT TẬT (3 tín chỉ)**

Học phần Phát triển cộng đồng trong hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được thực hiện trong 03 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Khái niệm, vai trò của cộng đồng đối với sự phát triển của người khuyết tật và ngược lại; nguyên tắc, nội dung và cách thức phát triển cộng đồng hỗ trợ đối với sự phát triển của người khuyết tật. Ngoài ra, học phần cũng giúp người học đánh giá được hiện trạng phát triển cộng đồng tại địa bàn và sử dụng các bước phát triển cộng đồng để hỗ trợ người khuyết tật, đồng thời, có kỹ năng cần thiết của một nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật đối với thúc đẩy sự phát triển cộng đồng.

## **22. LẬP KẾ HOẠCH HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI KHUYẾT TẬT (4 tín chỉ)**

Học phần Lập kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được thực hiện trong 04 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Có hiểu biết về kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, nội dung và cấu trúc của một kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, các phương pháp phát hiện khả năng và nhu cầu giáo dục

của người khuyết tật, cách thức hỗ trợ xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch học tập và các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho người khuyết tật. Có kỹ năng xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, phát hiện khả năng và nhu cầu giáo dục của người khuyết tật, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho người khuyết tật.

### **23. KỸ NĂNG HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI KHUYẾT TẬT (3 tín chỉ)**

Học phần Kỹ năng hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được thực hiện trong 03 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Những kỹ năng cần thiết trong giáo dục trẻ/người khuyết tật ở các môi trường giáo dục, ở các cấp học phổ thông từ mầm non đến phổ thông trung học. Thực hành thành thực các kỹ năng cần thiết trong giáo dục trẻ/người khuyết tật theo quy trình giáo dục, bao gồm: xác định mức độ chức năng và khả năng hiện tại của trẻ/người khuyết tật; xây dựng mục tiêu dạy học và lựa chọn các đồ dùng/thiết bị hỗ trợ phù hợp; thiết kế các nội dung học tập và các phương pháp dạy học đặc thù; đánh giá kết quả dạy học trẻ/người khuyết tật; phối hợp và phát huy sự tham gia của cha mẹ và các lực lượng cộng đồng trong quá trình học tập của trẻ/người khuyết tật. Tiếp nhận và đánh giá đúng khả năng của trẻ/người khuyết tật; chủ động và sáng tạo trong việc áp dụng các phương pháp trong quá trình hỗ trợ giáo dục trẻ/người khuyết tật và phối kết hợp với các lực lượng trong thực tiễn.

### **24. THỰC HÀNH HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI KHUYẾT TẬT (4 tín chỉ)**

Học phần Thực hành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại cơ sở giáo dục được thực hiện trong 04 tín chỉ. Học phần củng cố cho người học hệ thống kiến thức về: Thực tế hoạt động của cơ sở giáo dục người khuyết tật (cơ sở/nhà trường), liên hệ lý thuyết và thực tiễn về các kiến thức liên quan đến việc hỗ trợ giáo dục người khuyết tật. Thực hành các kỹ năng hỗ trợ giáo dục đặc thù người khuyết tật như kỹ năng dạy học, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục có người khuyết tật, kỹ năng hỗ trợ người khuyết tật trong các hoạt động học tập và các hoạt động giáo dục ở trong và ngoài lớp/trường/cơ sở.

### **25.1. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC NGƯỜI KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

- Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành; định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

## **25.2. CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần Công tác xã hội với người khuyết tật được thực hiện trong 02 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về công tác xã hội, các nguyên tắc, tiến trình và các lĩnh vực của công tác xã hội; nắm được những đặc điểm tâm lý và các vấn đề kèm theo trong một số giai đoạn phát triển đặc trưng của người khuyết tật; Có kỹ năng làm việc với người khuyết tật (như kỹ năng lắng nghe, phỏng vấn, điều tra...), kỹ năng làm việc với gia đình người khuyết tật (như kỹ năng tư vấn, tham vấn...), kỹ năng làm việc với cộng đồng người khuyết tật sinh sống (như kỹ năng thuyết phục, kỹ năng tuyên truyền...).

## **26. SINH LÝ HỌC TRẺ EM (2 tín chỉ)**

Học phần Tổ chức môi trường giáo dục thân thiện cho trẻ rối loạn phát triển được thực hiện trong 02 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về những vấn đề chung của môi trường giáo dục thân thiện, như: Khái niệm, bản chất, ý nghĩa của môi trường giáo dục thân thiện; cơ sở thực hiện, nguyên tắc tổ chức, tiêu chí đánh giá môi trường giáo dục thân thiện cho trẻ rối loạn phát triển trong những môi trường khác nhau. Ngoài ra học phần cũng cung cấp đến người học cách tổ chức, xây dựng và phát triển môi trường giáo dục thân thiện với trẻ em trong cộng đồng.

## **27. TÂM BỆNH HỌC TRẺ EM (2 tín chỉ)**

Học phần Tâm bệnh học được thực hiện trong 02 tín chỉ. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về tâm bệnh học trẻ em; Nhận diện các rối nhiễu tâm lý thường gặp; Các biện pháp phòng ngừa và trị liệu các rối nhiễu tâm lý thường gặp ở trẻ em; Có quan điểm đúng đắn về sự phát triển của trẻ em, các rối nhiễu tâm lý thường gặp ở trẻ em cũng như các biện pháp phòng ngừa và trị liệu các rối nhiễu đó; Ứng dụng những hiểu biết về các rối nhiễu tâm lý vào việc phát hiện các rối nhiễu này ở trẻ em và tư vấn kịp thời cho phụ huynh.

## **28. TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG TRONG GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT (2 tín chỉ)**

Học phần Tâm lý học phát triển và ứng dụng trong giáo dục đặc biệt được thực hiện trong 02 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự phát triển của trẻ, các quan điểm phát triển tâm lý con người, đặc điểm phát triển tâm lý ở từng giai đoạn phát triển từ sơ sinh đến tuổi trưởng thành. Có quan điểm đúng và có nhìn nhận đúng đắn về trẻ em và trẻ có nhu cầu đặc biệt. Ngoài ra học phần giúp người học vận dụng được những học vấn cơ bản về tâm lý học phát triển trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.



### **29. ĐẠI CƯƠNG GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT (3 tín chỉ)**

Học phần Đại cương giáo dục đặc biệt được thực hiện trong 03 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về nguyên tắc trong giáo dục đặc biệt; lịch sử và những vấn đề hiện đại của GDĐB. Đồng thời cũng giúp người học hiểu được các khái niệm cơ bản, phân loại nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt; đặc điểm và một số kỹ năng đặc thù trong giáo dục các nhóm trẻ khuyết tật.

### **30. ĐÁNH GIÁ TRẺ KHUYẾT TẬT (3 tín chỉ)**

Học phần Đánh giá trẻ khuyết tật trong giáo dục đặc biệt được thực hiện trong 03 tín chỉ, cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về công tác đánh giá nói chung và với trẻ khuyết tật nói riêng; các khái niệm có liên quan đến vấn đề đánh giá trẻ khuyết tật; các yêu cầu và lưu ý trong đánh giá trẻ khuyết tật. Mô tả một cách chi tiết quy trình đánh giá trẻ khuyết tật trong giáo dục đặc biệt; phương pháp và công cụ trong đánh giá trẻ khuyết tật.

### **31. CAN THIỆP SỚM TRẺ KHUYẾT TẬT (3 tín chỉ)**

Học phần Can thiệp sớm trẻ khuyết tật được thực hiện trong 03 tín chỉ bao gồm các nội dung tổng quan về can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật và cách thực hiện can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật như: xác định nhu cầu, lập kế hoạch giáo dục cá nhân, hỗ trợ gia đình có trẻ khuyết tật và hỗ trợ trẻ khuyết tật tại trường mầm non.

### **32. HỖ TRỢ DẠY HỌC NGƯỜI KHUYẾT TẬT (3 tín chỉ)**

Học phần Hỗ trợ dạy học người khuyết tật trí tuệ được thực hiện trong 03 tín chỉ, cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về xác định nhu cầu dạy học cho người khuyết tật trí tuệ ở Tiểu học và tuổi Thanh thiếu niên. Việc thực hiện nguyên tắc giáo dục và hỗ trợ các kỹ năng cần thiết, đặc biệt là hỗ trợ kỹ năng học tập để người khuyết tật trí tuệ hạn chế khó khăn và hòa nhập cộng đồng.

### **33. HỖ TRỢ DẠY HỌC NGƯỜI RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ (3 tín chỉ)**

Học phần Hỗ trợ dạy học người rối loạn phổ tự kỷ được thực hiện trong 03 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về những vấn đề chung của việc xác định nhu cầu hỗ trợ dạy học cho người rối loạn phổ tự kỷ đối với lứa tuổi mầm non, tiểu học và thanh thiếu niên và các phương pháp hỗ trợ người rối loạn phổ tự kỷ trong giao tiếp, tương tác xã hội và hỗ trợ quản lý hành vi. Ngoài ra học phần cũng cung cấp những kiến thức để hỗ trợ người rối loạn phổ tự kỷ khi tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động lao động, hoạt động vui chơi giải trí, dã ngoại, từ đó hình thành những kỹ năng để giúp người rối loạn phổ tự kỷ có thể học tập vui chơi và cải thiện các dấu hiệu về rối loạn phổ tự kỷ.

### **34. HỖ TRỢ DẠY HỌC NGƯỜI KHIẾM THỊ (4 tín chỉ)**

Học phần Hỗ trợ dạy học cho người khiếm thị được thực hiện trong 04 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về những đặc điểm phát triển

của trẻ khiếm thị; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả dạy học cho người khiếm thị và có hiểu biết về cách thức hỗ trợ giáo viên, nhà trường điều chỉnh quá trình dạy học, lựa chọn các kỹ năng, phương pháp để hỗ trợ tổ chức các hoạt động dạy học cho người khiếm thị.

### **35. HỖ TRỢ DẠY HỌC NGƯỜI KHIẾM THÍNH (4 tín chỉ)**

Học phần Hỗ trợ dạy học người khiếm thính được thực hiện trong 04 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức người khiếm thính và cách thức hỗ trợ dạy học người khiếm thính thông qua việc sử dụng các thiết bị trợ thính và các phương thức giao tiếp phù hợp với người khiếm thính.

### **36. HỖ TRỢ DẠY HỌC NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC TẬP (3 tín chỉ)**

Học phần Hỗ trợ dạy học người khuyết tật học tập được thực hiện trong 03 tín chỉ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức phân biệt được khuyết tật học tập với một số khuyết tật khác, nhận biết được các khó khăn đặc thù trong lĩnh vực đọc, viết, tính toán và các phương pháp hỗ trợ dạy học người khuyết tật học tập.

### **37. HỖ TRỢ DẠY HỌC NGƯỜI KHUYẾT TẬT NGÔN NGỮ (3 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các khuyết tật ngôn ngữ, các mức phát triển ngôn ngữ theo các độ tuổi khác nhau. Hiểu được đặc điểm của người khuyết tật có những khó khăn chung về ngôn ngữ và lời nói. Từ đó vận dụng các kiến thức đã học về khuyết tật ngôn ngữ trong quá trình hỗ trợ dạy ở trường, ở nhà và ngoài xã hội.

### **38. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho sinh viên hiểu các khái niệm, đặc điểm cơ bản về chính sách nói chung và đối với người khuyết tật nói riêng, hiểu được hệ thống chính sách của người khuyết tật và hệ thống các văn bản áp dụng đối với người khuyết tật trong nước và quốc tế. Từ đó vận dụng các kiến thức đã học để hỗ trợ đối với người khuyết tật.

### **39. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đạo đức nghề nghiệp nói chung và đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên nói riêng, từ đó nêu lên vấn đề giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm trong giai đoạn hiện nay. Học phần có quan hệ chặt chẽ với những học phần đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh trung học, đồng thời có mối liên hệ mật thiết với học phần nghiệp vụ sư phạm thể hiện việc giải quyết các tình huống sư phạm trong nội dung học phần.

### **40. RÈN NGHIỆP VỤ HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và rèn kỹ năng cơ bản của người giáo viên để thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học và giáo dục cho trẻ rối loạn phát triển; tổ chức thực hành phong cách văn hóa sư phạm trong giao tiếp, thực hành kỹ

năng dạy học, thực hành kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục. Thông qua đó góp phần giúp người học bồi dưỡng phẩm chất và năng lực nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên, nâng cao tay nghề để đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp và đổi mới giáo dục, hình thành định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

#### **41. THỰC TẾ CHUYÊN NGÀNH (2 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề về trẻ rối loạn phát triển cũng như cách thức tiếp cận với trẻ. Từ kiến thức cơ bản đó, sinh viên đi thực tế, tiếp cận trẻ rối loạn phát triển, tiếp cận, quan sát, đánh giá và báo cáo kết quả quan sát cũng như đề xuất cá nhân về đối tượng cụ thể của quá trình thực tế chuyên ngành. Trên cơ sở đó, sinh viên có cách nhìn tổng quát về nhiệm vụ của bản thân cũng như sứ mệnh sẽ đảm nhận trong tương lai để thúc đẩy sinh viên học tập và rèn luyện bản thân trở thành giáo viên, chuyên gia trong ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

#### **42.1. QUẢN LÝ HÀNH VI TRẺ KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về những vấn đề chung trong quản lý hành vi trẻ khuyết tật cũng như cách thức đánh giá hành vi chức năng và xây dựng chương trình can thiệp hành vi. Ngoài ra học phần cũng cung cấp đến người học các biện pháp quản lý hành vi đối với trẻ khuyết tật.

#### **42.2. HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các vấn đề chung về tổ chức hoạt động vui chơi cho người khuyết tật cũng như các kỹ năng để lập kế hoạch hỗ trợ hoạt động vui chơi cho người khuyết tật. Ngoài ra học phần cũng cung cấp đến người học các biện pháp hỗ trợ vui chơi cho người khuyết tật.

#### **43.1. HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI TĂNG ĐỘNG GIẢM CHÚ Ý (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về những vấn đề chung về đặc điểm phát triển cơ bản người tăng động giảm chú ý (AD/HD), các nguyên tắc hỗ trợ và phương thức điều chỉnh môi trường phù hợp với người AD/HD.

#### **43.2. HỖ TRỢ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về những vấn đề chung trong chăm sóc sức khỏe và an toàn cho người khuyết tật cũng như xác định nhu cầu chăm sóc sức khỏe, an toàn của người khuyết tật; Lựa chọn mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật. Ngoài ra học phần cũng cung cấp đến người học cách thiết kế chương trình giáo dục phù hợp với sức khỏe và đặc điểm của từng đối tượng người khuyết tật.

#### **44.1. HỖ TRỢ HỖ GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về giáo dục giới tính cho người khuyết tật, các vấn đề sức khoẻ tình dục, sức khoẻ sinh sản cho người khuyết tật trên cơ sở những hiểu biết về phát triển tính dục, các mối quan hệ, hình ảnh về thể chất và vai trò gi trong các mối quan hệ (tình bạn, tình yêu, tình dục); Các khía cạnh ảnh hưởng về sinh học, văn hoá xã hội, tâm lí của vấn đề giới tính. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho người học những kỹ năng để hỗ trợ người khuyết tật thể hiện những hành vi giới tính phù hợp và nhận diện, phòng tránh những hành vi giới tính không phù hợp.

#### **44.2. HỖ TRỢ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về những vấn đề chung các kiến thức về sự phát triển kỹ năng nghề nghiệp; kiến thức về các biện pháp hỗ trợ người khuyết tật trong tham gia các hoạt động học hướng nghiệp. Xác định nhu cầu cần thiết về giáo dục hướng nghiệp của người khuyết tật.

#### **45. HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ NGHỀ 1 (2 tín chỉ)**

Học phần Nghiệp vụ 1: Xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân được thực hiện trong 02 tín (lý thuyết = 5 tiết; thực hành = 25 tiết). Học phần cung cấp cho người học một số vấn đề cơ bản liên quan đến trẻ rối loạn phổ tự kỷ và trẻ khuyết tật trí tuệ như: khái niệm, nguyên nhân, phân loại, tiêu chí chẩn đoán và đặc điểm tâm sinh lý của trẻ khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỷ. Học phần tạo môi trường thực hành xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho người học. Thông qua đó góp phần giúp người học bồi dưỡng phẩm chất và thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên giáo dục đặc biệt, nâng cao tay nghề để đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp và đổi mới giáo dục, hình thành định hướng nghề nghiệp trong tương lai, xây dựng được bản kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ rối loạn phát triển.

#### **46. HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ NGHỀ 2 (2 tín chỉ)**

Học phần Nghiệp vụ 2: Học phần Thiết kế đồ dùng dạy học cho trẻ rối loạn phát triển được thực hiện trong 02 tín chỉ (lý thuyết = 15 tiết; thực hành 15 tiết). Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng bao gồm:Giới thiệu phương pháp trực quan và ứng dụng phương pháp trực quan trong giáo dục đặc biệt; thiết kế và sử dụng đồ dùng và phương tiện dạy trẻ rối loạn phát triển có hiệu quả.

#### **47. THỰC TẬP HỖ TRỢ GIÁO DỤC 1 (2 tín chỉ)**

Tìm hiểu tình hình hỗ trợ của địa phương đối với cơ sở giáo dục người khuyết tật, các cơ sở dạy nghề và làm việc của người khuyết tật hoặc tại gia đình có người khuyết tật; tìm hiểu chương trình hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại cơ sở giáo dục có trẻ khuyết tật theo học; tìm hiểu việc thực hiện luật pháp, chính sách của nhà nước, của ngành, của địa phương đối với cơ sở giáo dục người khuyết tật, cơ sở dạy nghề và làm

việc của người khuyết tật; dự giờ các hoạt động giảng dạy, sinh hoạt lớp và các hoạt động ngoài giờ lên lớp của học sinh khuyết tật để thấy được những khó khăn mà học sinh khuyết tật gặp phải từ đó đưa ra những hỗ trợ cần thiết; lên kế hoạch hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật tại lớp thực tập; tập sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người khuyết tật trong học tập và trong sinh hoạt.

- Lên kế hoạch hỗ trợ người khuyết tật tại cơ sở dạy nghề, nơi làm việc, ở gia đình và địa phương nơi người khuyết tật sinh sống.

- Thực hành hỗ trợ học sinh khuyết tật trong học tập và quản lý hành vi trong lớp học. Hỗ trợ người khuyết tật hoà nhập nơi làm việc và trong cộng đồng.

#### **48. THỰC TẬP HỖ TRỢ GIÁO DỤC 2 (6 tín chỉ)**

- Tìm hiểu tình hình hỗ trợ của địa phương đối với cơ sở giáo dục người khuyết tật, các cơ sở dạy nghề và làm việc của người khuyết tật hoặc tại gia đình có người khuyết tật; tìm hiểu chương trình hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại cơ sở giáo dục có trẻ khuyết tật theo học; tìm hiểu việc thực hiện luật pháp, chính sách của nhà nước, của ngành, của địa phương đối với cơ sở giáo dục người khuyết tật, cơ sở dạy nghề và làm việc của người khuyết tật; dự giờ các hoạt động giảng dạy, sinh hoạt lớp và các hoạt động ngoài giờ lên lớp của học sinh khuyết tật để thấy được những khó khăn mà học sinh khuyết tật gặp phải từ đó đưa ra những hỗ trợ cần thiết; lên kế hoạch hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật tại lớp thực tập; tập sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người khuyết tật trong học tập và trong sinh hoạt; lên kế hoạch hỗ trợ người khuyết tật tại cơ sở dạy nghề, nơi làm việc, ở gia đình và địa phương nơi người khuyết tật sinh sống; thực hành hỗ trợ học sinh khuyết tật trong học tập và quản lý hành vi trong lớp học. Hỗ trợ người khuyết tật hoà nhập nơi làm việc và trong cộng đồng.

#### **49A. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (7 tín chỉ)**

Học phần khoá luận tốt nghiệp là học phần tổng hợp các kiến thức của ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể có ý nghĩa bổ sung, làm hoàn chỉnh, phong phú thêm vốn kiến thức đã học trong nhà trường, bước đầu tập sự giải quyết vấn đề thực tiễn bằng sức sáng tạo của mình dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn.

#### **49B.1. TỔ CHỨC TRƯỜNG LỚP TRONG GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT (2 tín chỉ)**

Học phần Tổ chức trường lớp trong giáo dục đặc biệt (2 tín chỉ) bao gồm các nội dung: Những vấn đề chung về tổ chức trường lớp trong giáo dục đặc biệt (Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của tổ chức trường lớp trong giáo dục đặc biệt; Các nguyên tắc của tổ chức trường lớp trong giáo dục đặc biệt; Cách tiếp cận trong tổ chức trường lớp trong giáo dục đặc biệt); Tổ chức trường học trong giáo dục đặc biệt và Tổ chức lớp học trong giáo dục đặc biệt.

## **49B.2. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ GIÁO DỤC NGƯỜI KHUYẾT TẬT (3 tín chỉ)**

Học phần Phát triển chương trình hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (2 tín chỉ) bao gồm các nội dung: Những vấn đề chung về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục; Nguyên tắc và nội dung phát triển chương trình hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; Quy trình và biện pháp phát triển chương trình hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

## **49B.3. THAM VẤN PHỤ HUYNH VÀ PHỐI HỢP ĐA NGÀNH TRONG GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT (2 tín chỉ)**

Học phần Tham vấn phụ huynh và phối hợp đa ngành trong giáo dục trẻ khuyết tật được thực hiện trong 02 tín chỉ (lý thuyết = 10 tiết; thực hành = 20 tiết). Học phần cung cấp cho người học các nội dung: Những vấn đề chung về tham vấn cha mẹ trẻ khuyết tật; các kỹ năng trong tham vấn phụ huynh trẻ khuyết tật và quy trình tư vấn phụ huynh trẻ khuyết tật; quy trình tham vấn phụ huynh trẻ khuyết tật bao gồm chuẩn bị kế hoạch tư vấn, thu thập xử lý thông tin và viết báo cáo, làm việc với cha mẹ về bản đánh giá, giám sát và đánh giá kết quả tư vấn; các lực lượng tham gia giáo dục trẻ rối loạn phát triển; ý nghĩa và quy trình phối hợp đa ngành các lực lượng trong giáo dục trẻ rối loạn phát triển.

### **5.2.5. Đề cương chi tiết học phần**

(Xem Phụ lục Đề cương chi tiết học phần)

## **6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO**

### **6.1. Phương pháp giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy thực hiện chương trình đào tạo ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trình độ đại học được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập, trải nghiệm đạt các chuẩn đầu ra được chia thành hai nhóm:

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động, gồm:

+ Phương pháp động não (Brainstorming) là phương pháp giúp sinh viên trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó, trong đó có nhiều ý tưởng sáng tạo. Thực hiện phương pháp này, giảng viên cần đưa ra một hệ thống các thông tin làm tiền đề cho buổi thảo luận.

+ Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think - pair - share): Phương pháp này được thực hiện bằng cách cho các sinh viên cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ

về một chủ đề, sau đó các sinh viên ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp.

+ Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) giúp sinh viên xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết.

+ Phương pháp hoạt động nhóm (Group based Learning) là chia lớp học thành từng nhóm nhỏ từ 5 đến 7 người. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của học phần, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Phương pháp hoạt động nhóm giúp các thành viên trong nhóm chia sẻ các băn khoăn, kinh nghiệm của bản thân, cùng nhau xây dựng nhận thức mới. Bằng cách nói ra những điều đang nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nêu ra, thấy mình cần học hỏi thêm những gì.

+ Phương pháp đóng vai (Role playing) là phương pháp tổ chức cho sinh viên thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Phương pháp đóng vai có những ưu điểm: sinh viên được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn; gây hứng thú và chú ý cho người học; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của người học, kích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của người học theo chuẩn mực hành vi đạo đức và chính trị - xã hội, có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm, gồm:

+ Học dựa vào dự án (Project based Learning) là tổ chức việc dạy và học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình.

+ Mô phỏng (Simulations) thường được dùng trong nghiên cứu khoa học, là quá trình phát triển mô hình hoá rồi mô phỏng một đối tượng cần nghiên cứu. Dựa trên những kết quả thu được sau quá trình mô phỏng, ta có thể rút ra hướng đi tiếp cho nghiên cứu và sản xuất về sau.

+ Nghiên cứu tình huống (Case studies) dựa trên các tình huống thực tế của cả học viên và giảng viên. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng

thời gian định sẵn cùng nguồn lực có hạn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống được đưa lên không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp.

+ Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning) là một phương pháp dạy và học mà thông qua đó người học áp dụng được những kiến thức học được trong lớp vào điều kiện thực tế, đồng thời kết quả của quá trình học đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và được cộng đồng sử dụng. Phương pháp này giúp người học có điều kiện tăng cường kiến thức học thuật, rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm như tư duy suy xét, phản biện, làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình và các kỹ năng sống.

## 6.2. Đánh giá kết quả đào tạo

Đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 của Hiệu trưởng. Cụ thể:

- Kết quả học tập học phần của sinh viên được đánh giá qua hai điểm thành phần là các điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần. Số bài đánh giá thường xuyên tương ứng với số tín chỉ của học phần:

Số tín chỉ	Số bài kiểm tra (đánh giá) thường xuyên
Từ 1 đến 2 tín chỉ	1 bài
Từ 3 đến 5 tín chỉ	2 bài
> 6 tín chỉ	3 bài

- Hình thức đánh giá: Tiểu luận, bài tập lớn, viết (tự luận, trắc nghiệm), vấn đáp thực hành, thực hành nộp điểm.

- Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn số đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Trung bình điểm đánh giá thường xuyên	40%
2. Điểm thi kết thúc học phần	60%
3. Công thức tính điểm học phần Điểm học phần = (Trung bình điểm đánh giá thường xuyên x 4 + Điểm thi kết thúc học phần x 6)/10	

- Thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần được quy định như sau:



<b>Điểm chữ</b>	<b>Điểm 10 tương ứng</b>	<b>Quy ra thang điểm 4</b>
A+	9.5 - 10	4.0
A	8.5 - 9.4	4.0
B+	8.0 - 8.4	3.5
B	7.0 - 7.9	3.0
C+	6.5 - 6.9	2.5
C	5.5 - 6.4	2.0
D+	5.0 - 5.4	1.5
D	4.0 - 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

### **7. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ**

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, trình độ đại học gồm:

- Có 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, viên chức của Trường Đại học Hải Dương để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu, viên chức của Trường Đại học Hải Dương để chủ trì giảng dạy chương trình;

- Tổng có 47 giảng viên tham gia: 19 tiến sĩ và 28 thạc sĩ thực hiện chương trình.

Đội ngũ giảng viên nói trên có số lượng đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho ngành đào tạo Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

### **8. Cơ sở vật chất và công nghệ**

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật. Trong đó bao gồm:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;

- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;

- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;

- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;

- Nhà dịch vụ: 01;

- Nhà ăn sinh viên: 02;

- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;

- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;

- Sân bóng chuyền: 02;

- Sân bóng rổ: 02.

Để đào tạo ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, nhà trường có thư viện, trung tâm học liệu với gần 400 đầu sách, gồm các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo để sinh viên học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

**KHOA ĐÀO TẠO**

**HIỆU TRƯỞNG**